

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Số: 04/2026/CBTT-HHV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**
  - Mã chứng khoán: **HHV**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
  - Điện thoại liên hệ: 0236 3730 574 Fax: 0236 3842 713
  - E-mail: [info@hhv.com.vn](mailto:info@hhv.com.vn) Website: [hhv.com.vn](http://hhv.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trân trọng công bố Báo cáo tài chính hợp nhất tự lập Quý IV năm 2025 kết thúc vào ngày 31/12/2025 của Công ty.

*(Chi tiết theo toàn văn Báo cáo tài chính đính kèm)*

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/01/2026 tại đường dẫn: <http://www.hhv.com.vn/báo cáo tài chính/2025>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý IV năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người được ủy quyền CBTT

Kế toán trưởng



Lê Công Nghĩa

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG  
GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

**Báo cáo tài chính hợp nhất  
Quý 4 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	<b>01 – 06</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11 – 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13 – 14
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	15 – 102



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho Quý 4 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

#### CÔNG TY

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 11/08/2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2021 và chính thức giao dịch ngày 20/01/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV. Số lượng chứng khoán niêm yết tại ngày 31/12/2025 là 497.433.003 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 4.974.330.030.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

#### 3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỡ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)**4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
<b>Công ty con: 03 Công ty</b>			
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,04%	65,04%	1.164.824.390.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	74,24%	74,24%	1.747.617.650.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	294.455.000.000
<b>Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty</b>			
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	391.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,42%	50,00%	122.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	33.180.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	42,31%	40,00%	224.473.200.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Thi công Xây lắp Công trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm Đường bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm Đường bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km 81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Áp Tân Phong, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang 2, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Tam Điệp - Diễn Châu	Thôn Thọ Lộc, xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Vũng Áng - Bùn	Thôn Lạc Thắng, xã Kỳ Lạc, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ngày 12/12/2025, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả ban hành Nghị quyết số 55/2025/NQ – HĐQT về việc triển khai đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025 theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 463/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/12/2025. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành là 547.176.303 cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành thành công là 5.471.763.030.000 đồng. Tại thời điểm lập báo cáo riêng này, Công ty đang tiến hành các thủ tục để hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	31/05/2024	
Ông Trần Chung	Thành viên	31/05/2024	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	31/05/2024	
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	31/05/2024	
Ông Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập	31/05/2024	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

		<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	16/05/2025
Ông Ngô Trường Nam	Phó TGD thường trực	01/10/2024	16/05/2025
	Tổng Giám đốc	16/05/2025	
Ông Trần Văn Chí	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Ông Võ Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc	10/12/2020	
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	14/01/2021	
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	30/03/2021	
Ông Lê Châu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Ông Nguyễn Lê Bách	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2024	
Ông Nguyễn Văn Ân	Phó Tổng Giám đốc	07/06/2025	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

		<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	31/05/2024	
Bà Cam Thị Minh Hải	Kiểm soát viên	23/05/2025	
Bà Phan Thị Mai	Kiểm soát viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:

		<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	20/05/2025
Ông Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	20/05/2025	

Kế toán trưởng:

		<b>Bổ nhiệm</b>	<b>Miễn nhiệm</b>
Ông Nguyễn Văn Ân		17/06/2020	06/06/2025
Ông Lê Công Nghĩa		06/06/2025	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm báo cáo Quý 4 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chúng tôi, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho Quý 4 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám Đốc



**NGỌ TRƯỜNG NAM**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.864.835.151.184	1.282.949.495.901
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		586.763.461.560	308.933.876.437
111	Tiền	V.1	446.122.479.960	187.371.329.025
112	Các khoản tương đương tiền	V.1	140.640.981.600	121.562.547.412
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		14.567.111.018	6.432.529.990
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	14.567.111.018	6.432.529.990
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.192.992.746.381	878.312.475.722
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	810.593.949.648	629.018.879.802
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	57.749.508.303	57.462.034.796
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	7.000.000.000	6.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	330.859.835.161	199.042.107.855
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(13.210.546.731)	(13.210.546.731)
140	Hàng tồn kho		46.152.965.889	67.714.934.630
141	Hàng tồn kho	V.8	46.152.965.889	67.714.934.630
150	Tài sản ngắn hạn khác		24.358.866.336	21.555.679.122
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	20.000.834.781	18.578.962.390
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.381.314.823	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17b	2.976.716.732	2.976.716.732

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
200	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>38.888.605.927.597</b>	<b>37.623.411.236.338</b>
210	Các khoản phải thu dài hạn		588.062.870.381	940.166.496.834
212	Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	360.723.660.592	310.095.234.962
216	Phải thu dài hạn khác	V.6b	227.339.209.789	630.071.261.872
220	<b>Tài sản cố định</b>		<b>27.486.498.793.892</b>	<b>27.803.114.813.212</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	27.435.082.804.093	27.785.952.501.334
222	Nguyên giá		30.218.878.853.051	30.147.532.890.468
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.783.796.048.958)	(2.361.580.389.134)
224	<b>Tài sản cố định thuê tài chính</b>		<b>41.651.602.747</b>	<b>14.075.260.603</b>
225	Nguyên giá	V.11	48.541.148.950	17.714.776.374
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.889.546.203)	(3.639.515.771)
227	<b>Tài sản cố định vô hình</b>		<b>9.764.387.052</b>	<b>3.087.051.275</b>
228	Nguyên giá	V.12	12.362.145.635	5.169.474.563
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.597.758.583)	(2.082.423.288)
240	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.376.113.479</b>	<b>11.075.924.963</b>
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	3.376.113.479	11.075.924.963
250	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>2.159.354.518.931</b>	<b>1.088.617.731.665</b>
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2b	1.216.854.518.931	944.117.731.665
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	927.500.000.000	127.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	15.000.000.000	17.000.000.000
260	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>8.651.313.630.914</b>	<b>7.780.436.269.664</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	8.631.708.687.593	7.761.717.810.195
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.23a	10.398.576.090	7.057.060.974
269	Lợi thế thương mại	V.14	9.206.367.231	11.661.398.495
270	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>40.753.441.078.781</b>	<b>38.906.360.732.239</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>28.575.631.091.903</b>	<b>27.976.733.782.144</b>
310	Nợ ngắn hạn		3.558.781.882.006	3.678.947.981.964
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.15a	1.036.822.376.066	902.851.126.374
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16a	102.348.333.163	4.719.425.163
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.17a	109.913.990.056	93.313.752.177
314	Phải trả người lao động	V.18	30.494.772.324	27.297.574.185
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19a	337.771.745.070	587.202.270.332
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20a	1.194.181.818	1.100.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.21a	954.337.257.873	975.656.621.369
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22a	979.820.050.821	1.080.704.037.549
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.079.174.815	6.103.174.815
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>25.016.849.209.897</b>	<b>24.297.785.800.180</b>
331	Phải trả người bán dài hạn	V.15b	260.865.005.924	285.528.611.856
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.16b	507.937.125.175	232.651.836.038
333	Chi phí phải trả dài hạn	V.19b	6.575.224.807.750	5.671.857.412.889
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20b	11.223.836.612	6.649.932.236
337	Phải trả dài hạn khác	V.21b	35.280.476.625	38.822.766.625
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22b	17.479.169.217.555	17.912.050.154.563
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.23b	147.148.740.256	150.225.085.973

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.24	12.177.809.986.878	10.929.626.950.095
410	Vốn chủ sở hữu		8.004.717.114.333	6.921.543.077.550
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.974.330.030.000	4.322.555.280.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.974.330.030.000	4.322.555.280.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		5.364.062.000	6.079.662.000
418	Quỹ đầu tư phát triển		15.561.628.379	8.822.456.079
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	1.739.172.300
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		1.451.520.531.099	1.116.710.675.697
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		863.965.472.304	703.328.280.943
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		587.555.058.795	413.382.394.754
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.557.940.862.855	1.465.635.831.474
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		4.173.092.872.545	4.008.083.872.545
432	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		4.173.092.872.545	4.008.083.872.545
440	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>40.753.441.078.781</b>	<b>38.906.360.732.239</b>

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

*[Signature]*

*[Signature]*



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

LÊ CÔNG NGHĨA

NGỘ TRƯỜNG NAM

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho Quý 4 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.205.947.447.629	1.009.970.341.006	3.801.547.772.265	3.308.251.591.277
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.205.947.447.629	1.009.970.341.006	3.801.547.772.265	3.308.251.591.277
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	VI.2	751.837.439.137	680.688.488.834	2.184.574.075.404	1.967.049.198.935
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		454.110.008.492	329.281.852.172	1.616.973.696.861	1.341.202.392.342
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	15.134.142.184	15.173.402.140	58.270.833.273	47.991.503.229
22	Chi phí tài chính	VI.4	232.793.380.205	204.623.800.464	917.053.774.808	814.327.147.479
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		229.834.275.808	194.266.935.076	905.217.357.220	796.572.521.099
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		19.137.100.039	13.406.683.470	90.587.587.266	57.827.888.610
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	20.655.282.484	19.442.817.504	75.216.888.474	71.738.443.064
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		234.932.588.026	133.795.319.814	773.561.454.118	560.956.193.638
31	Thu nhập khác	VI.6	38.493.327	23.370.254.777	4.981.279.639	23.625.648.701
32	Chi phí khác	VI.7	143.501.267	3.360.268.099	749.259.222	6.014.750.991
40	Lợi nhuận khác		(105.007.940)	20.009.986.678	4.232.020.417	17.610.897.710
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		234.827.580.086	153.805.306.492	777.793.474.535	578.567.091.348

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho Quý 4 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	VI.9	35.358.872.622	29.842.780.892	105.776.548.267	88.971.617.551
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.10	(2.239.210.004)	(3.588.767.875)	(6.417.860.834)	(5.509.354.268)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>201.707.917.468</u>	<u>127.551.293.475</u>	<u>678.434.787.102</u>	<u>495.104.828.065</u>
	Phân bổ cho:					
61	Cổ đông của Công ty		181.787.828.018	116.946.734.048	587.539.048.973	426.416.159.039
62	Cổ đông không kiểm soát		19.920.089.450	10.604.559.427	90.895.738.129	68.688.669.026
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	377	276	1.285	1.025
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	342	204	1.159	754

Người lập biểu



**HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT**

Kế toán trưởng



**LÊ CÔNG NGHĨA**

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



**NGÔ TRƯỜNG NAM**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho Quý 4 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	777.793.474.535	578.567.091.348
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ LTTM	430.611.572.090	348.937.233.697
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(152.589.268.008)	(106.094.394.732)
06	Chi phí lãi vay	905.217.357.220	796.572.521.099
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	<b>1.961.033.135.837</b>	<b>1.617.982.451.412</b>
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	428.920.943.728	(191.070.604.710)
10	Giảm hàng tồn kho	21.561.968.741	9.575.479.708
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	392.581.100.222	(35.620.877.600)
12	Giảm chi phí trả trước	1.360.424.464	7.240.293.429
14	Tiền lãi vay đã trả	(1.061.627.231.783)	(1.078.886.739.719)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(88.232.257.827)	(85.556.727.980)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	165.009.000.000	900.281.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(24.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>1.820.583.083.382</b>	<b>1.143.944.274.540</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(74.724.430.391)	(258.541.184.587)
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(3.974.581.028)	(455.906.389.990)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	600.000.000	106.665.731.271
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.453.116.472.861)	(81.802.099.206)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	118.374.172.067	10.116.000.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25.527.311.245	9.501.423.885
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	<b>(1.387.314.000.968)</b>	<b>(669.936.518.627)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho Quý 4 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	414.284.400.000	830.254.742.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	1.046.119.292.209	484.325.689.987
34	Chi trả nợ gốc vay	(1.607.028.255.615)	(1.772.220.761.360)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(8.814.933.885)	(3.495.086.748)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	<u>(155.439.497.291)</u>	<u>(461.201.466.752)</u>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	<b>277.829.585.123</b>	<b>12.806.289.161</b>
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	V.1 308.933.876.437	296.127.587.276
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	<u>V.1 586.763.461.560</u>	<u>308.933.876.437</u>

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

LÊ CÔNG NGHĨA



NGŨ TRƯỜNG NAM

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho Quý 4 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 11/08/2025.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: **4.974.330.030.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

#### **2. Hình thức kinh doanh**

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỡ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)****3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

**4. Chu năm sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu năm sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ****B 09 - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)****5. Cấu trúc Công ty:****Danh sách các Công ty con**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.12.2025	01.01.2025	31.12.2025	01.01.2025
1	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	278 Thụy Khê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	65,04%	65,03%	65,04%	65,03%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	74,24%	73,41%	74,24%	73,41%
3	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	278 Thụy Khê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,37%	99,37%	99,37%	99,37%

**Danh sách công ty liên doanh, liên kết**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.12.2025	01.01.2025	31.12.2025	01.01.2025
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	278 Thụy Khê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,42%	47,34%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Số 320, Tổ 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	42,31%	42,31%	40,00%	40,00%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	38,00%	38,00%	38,00%	38,00%
4	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Phòng số 311, Tầng 3, Khu văn phòng tòa CT2 Chung cư Ban Cơ Yếu Chính Phủ, phường Thanh Xuân, đường Khuất Duy Tiến, TP Hà Nội, Việt Nam	31,60%	31,60%	31,60%	31,60%

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)****5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết:

**i. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 22 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 23/07/2025.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GCNDKĐTĐTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/03/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – TP. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay	10.543.195.000.000 VND
Tổng	12.188.665.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng BOT là 11,5%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 22 năm 8 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là: 1.791.041.030.000 VND

**ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104567756 ngày 05/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 21/08/2025.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNDKĐTĐTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/06/2017:

+ Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Quyết định số 397/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) theo hình thức hợp đồng BOT;

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 13 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 06/08/2024 là 18.904 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn tự có:	1.749.864.583.000 VND
+ Vốn khác:	1.438.432.378.000 VND
+ Vốn vay	13.375.708.235.000 VND
+ Vốn Nhà nước hỗ trợ	5.048.002.979.000 VND
Tổng	21.612.008.175.000 VND

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)****5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (tiếp theo)**

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Hợp đồng BOT này được nhà nước đảm bảo lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án:

+ Hạng mục Hầm Đèo Cả: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 5 tháng;

+ Hạng mục trạm An Dân: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 5 tháng;

+ Hạng mục Hầm Cù Mông: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 5 tháng;

+ Hạng mục Hầm Hải Vân 1 và Hầm Hải Vân 2: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng cho cả hai hầm là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 5 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là: 2.354.036.400.000 VND

**iii. Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 12 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 10/07/2025.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNDTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/08/2015:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 23/04/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia, QL1A, tỉnh Thừa Thiên Huế:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 262.000.000.000 VND

+ Vốn vay: 1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 9 năm 10 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là: 296.310.000.000 VND

**iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106159826 ngày 22/04/2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 12/08/2025.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ****B 09 - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)****5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (tiếp theo)**

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013:

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn KM1374+525 - KM1392 &amp; KM1405 - KM1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An KM1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn KM1374+525 - KM1392 và KM1405 - KM1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 2.644.478.000.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 339.447.800.000 VND

+ Vốn vay: 2.305.030.200.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 11 năm 8 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là: 305.000.000.000 VND

**v. Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4800935176 ngày 18/12/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 do Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng) cấp ngày 24/12/2025.

+ Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/08/2020 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu: 844.240.000.000 VND

+ Vốn vay: 3.687.380.000.000 VND

+ Vốn Ngân sách nhà nước: 9.800.000.000.000 VND

Tổng: 14.331.620.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Thời gian thi công xây dựng dự kiến theo PATC là từ ngày 19/12/2023 đến ngày 15/12/2026.

Thời gian thu phí dự kiến là 25 năm kể từ ngày dự án đi vào khai thác vận hành.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là:

561.183.000.000 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

B 09 - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)****5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****vi. Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo**

Là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu số 0316685416 ngày 21/01/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận) cấp ngày 28/07/2025.

+ Dự án: Đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông gian đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.030.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	2.756.200.000.000 VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước:	5.139.280.000.000 VND
<b>Tổng</b>	<b>8.925.480.000.000 VND</b>

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 9,99%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 15 năm 5 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025: 1.030.000.000.000 VND

**vii. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị**

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0108311466 ngày 05/06/2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 05/08/2025.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn KM1+800-KM108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn KM1+800-KM106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là: 105.000.000.000 VND

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)****5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Thi công Xây lắp Công trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm đường bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm đường bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km 81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Áp Tân Phong, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang 2, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Tam Điệp - Diên Châu	Thôn Thọ Lộc, xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Vũng Áng - Bùn	Thôn Lạc Thắng, xã Năm Lạc, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**6. Danh sách các Công ty đầu tư khác****i. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 21/07/2025.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là:

829.800.000.000 VND

**ii. Công ty TNHH Hạ tầng Đô Thị Đèo Cả**

Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0111279935 ngày 11/11/2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 18/12/2025.

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình đường bộ

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là:

4.500.000.000.000 VND

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm kế toán Công ty có 1.387 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.285 nhân viên).

**II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

**a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng nắm hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

###### **a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm**

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

###### **b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

##### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

###### **a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không hạn hạn và tiền đang chuyển.

###### **b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc dưới 1 năm sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có năm hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc 1 năm sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

###### **a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)**

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có năm hạn (thời gian thu hồi trên 3 tháng), tín phiếu, năm phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

###### **b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết**

###### ***Công ty con***

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua.

Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

##### **b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết (tiếp theo)**

###### ***Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

###### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Công ty trong các công ty liên kết, Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.



**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban tổng giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập vào cuối năm kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

**4. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định năm hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**5. Nguyên tắc các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo năm hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

##### **7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), thuê tài chính, bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT, BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình (ngoại trừ TSCĐ hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T)) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

**Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT, BT:**

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao TSCĐ được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao TSCĐ hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm). Việc xác định giá trị TSCĐ hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16 - Chi phí lãi vay thực tế phát sinh trong năm và được ghi nhận lũy kế từ khi Dự án được triển khai thực hiện theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt đối với Dự án BOT và Hợp đồng BOT được ký giữa Bộ Giao thông Vận tải và doanh nghiệp dự án.

**9. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (B.O.T)**

Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng B.O.T) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**10. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:



- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **11. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng năm kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng năm hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng năm kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

##### **13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 12 tháng được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

##### **14. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

##### **15. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

**18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****- Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư cổ phần.

**- Mua lại và tái phát hành cổ phiếu quỹ**

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành khi Công ty mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Giá trị của cổ phiếu quỹ ghi giảm vốn chủ sở hữu bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua cổ phiếu quỹ.

Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (tái phát hành cổ phiếu quỹ), giá vốn của cổ phiếu quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khoản chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu quỹ và giá vốn của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản Thặng dư vốn cổ phần.

**- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số

lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

###### **- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối (tiếp theo)**

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty

##### **19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

###### **a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

###### **b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

###### **c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)****19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****d) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**e) Doanh thu phí giao thông**

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ theo mức phí được Nhà nước quy định áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ, hầm đường bộ, cầu đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

**f) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**g) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**h) Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn**

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**i) Thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **20. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau năm lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

##### **21. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

##### **22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.



Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong năm và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCDN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020. Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong năm sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các năm tiếp theo.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

##### 22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính (tiếp theo)

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong năm:

$$\text{Chi phí lãi vay trong năm} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}} \times \text{Doanh thu thực hiện trong năm}$$

Tỷ lệ phân bổ hiện nay của Dự án Hầm Đèo Cả – Cổ Mã – Cù Mông – Hải Vân là 45,54%; Dự án Cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn là 29,75%; Dự án Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia là 35,5%.

##### 23. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

##### 24. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **24. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên báo cáo công ty do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### **25. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

##### **26. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

##### **27. Công cụ tài chính**

###### **a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

##### **27. Công cụ tài chính (tiếp theo)**

###### **a) Tài sản tài chính (tiếp theo)**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

###### **b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ****B 09 - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

*Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):* Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.*Bù trừ các công cụ tài chính:* Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Tiền mặt	1.653.542.893	1.430.540.057
Tiền gửi ngân hàng	444.299.041.067	185.659.618.968
Tiền đang chuyển	169.896.000	281.170.000
Các khoản tương đương tiền	140.640.981.600	121.562.547.412
<b>Cộng</b>	<b>586.763.461.560</b>	<b>308.933.876.437</b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có năm hạn (i)	14.567.111.018	14.567.111.018	6.432.529.990	6.432.529.990
Dài hạn				
Tiền gửi có năm hạn (ii)	15.000.000.000	15.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Trái phiếu	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.567.111.018</b>	<b>29.567.111.018</b>	<b>23.432.529.990</b>	<b>23.432.529.990</b>

(i) Khoản tiền gửi có năm hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất 3,2%/năm, Ngân hàng TPbank với lãi suất 3,7%/năm và Ngân hàng Vpbank với lãi suất 6%/năm.

(ii) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND, năm hạn 10 năm (2019 - 2029); lãi suất: lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm; do ngân hàng Vietinbank phát hành. Trái phiếu này đang được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng tại ngân hàng Vietinbank.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Tại ngày 31.12.2025 VND	Lãi từ giao dịch mua giá rẻ VND	Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) VND	Phân chia lãi (lỗ) từ các công ty liên doanh liên kết VND	Tại ngày 01.01.2025 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	484.850.031.786	-	(10.000.000.000)	25.686.712.857	469.163.318.929
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo	475.138.777.097	-	-	65.214.348.561	409.924.428.536
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (i)	224.473.200.000	-	204.473.200.000	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị (ii)	32.392.510.048	-	(12.324.000.000)	(313.474.152)	45.029.984.200
<b>Cộng</b>	<b>1.216.854.518.931</b>	<b>-</b>	<b>182.149.200.000</b>	<b>90.587.587.266</b>	<b>944.117.731.665</b>

(i) Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 561.183.000.000 theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 25/04/2025 và Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐQT ngày 19/12/2025 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

(ii) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị đã hoàn tất thủ tục giảm vốn điều lệ từ 144.000.000.000 VND xuống 105.000.000.000 VND Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/01/2025 và Nghị quyết số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/07/2025 về việc giảm vốn điều lệ do hoàn trả một phần vốn góp cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông và sửa đổi điều lệ.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

**c) Đầu tư vào công ty khác**

	31.12.2025			01.01.2025		
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	127.500.000.000	-	-	127.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Hạ tầng đô thị Đèo Cả (i)	800.000.000.000	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>927.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>127.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Hạ tầng đô thị Đèo Cả với số tiền 800.000.000.000 VND theo phương án đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐQT ngày 07/11/2025 và Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐQT ngày 08/12/2025.

Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>504.241.872.213</b>	<b>381.952.072.308</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	254.985.126.957	213.453.819.549
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	150.975.053.554	144.798.132.784
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	41.336.182.831	637.938.182
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	33.880.066.156	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	15.636.663.282	13.546.846.197
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	6.697.801.295	6.579.672.295
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	730.978.138	2.935.663.301
<b>Bên khác</b>	<b>306.352.077.435</b>	<b>247.066.807.494</b>
Ban Quản lý dự án 2	84.047.718.395	96.874.868.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	65.791.060.046	47.114.285.311
Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng	18.254.009.000	15.744.869.000
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	12.880.620.346	12.880.620.346
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	10.639.781.688	2.718.973.862
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	5.082.418.376	5.082.418.376
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắk Lắk	3.399.652.533	3.399.652.533
Đối tượng khác	101.097.326.522	58.091.629.529
<b>Cộng</b>	<b>810.593.949.648</b>	<b>629.018.879.802</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ****B 09 - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN****a) Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>Bên khác</b>	<b>57.749.508.303</b>	<b>57.462.034.796</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	14.359.029.400	14.359.029.400
Công ty TNHH TM DV & Đầu tư Xây dựng Lê Gia	13.859.837.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Tây An	7.581.804.304	7.581.804.304
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ô tô và Xe chuyên dụng Việt Nam	5.992.200.000	5.992.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Duy Hải	422.237.833	-
Đối tượng khác	15.534.399.766	29.529.001.092
<b>Cộng</b>	<b>57.749.508.303</b>	<b>57.462.034.796</b>

**b) Trả trước cho người bán dài hạn**

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>Bên khác</b>	<b>360.723.660.592</b>	<b>310.095.234.962</b>
Tổng công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long - Công ty Cổ phần	158.149.293.779	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	94.082.320.759	94.082.320.759
Ban Quản lý Dự án 85	22.607.969.484	22.607.969.484
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Ban Mai	15.247.718.241	15.247.718.241
Công ty TNHH Minh Phát	11.899.747.000	11.899.747.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	9.381.606.667	9.381.606.667
Ban QLDA ĐTXD tỉnh Lạng Sơn	8.575.350.000	8.575.350.000
Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 - CTCP	7.176.702.514	7.176.702.514
Đối tượng khác	33.602.952.148	41.123.820.297
<b>Cộng</b>	<b>360.723.660.592</b>	<b>310.095.234.962</b>

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

## 5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>Bên khác</b>		
Công ty Cổ phần IDC Đông Dương (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 (ii)	4.000.000.000	3.000.000.000
	<u>7.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<u>7.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần IDC Đông Dương vay với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 vay với lãi suất 8,5% - 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****6. PHẢI THU KHÁC****a) Phải thu khác ngắn hạn**

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	70.206.241.734	-	62.597.646.331	-
Ký cược, ký quỹ	4.271.861.373	-	1.261.669.373	-
Bên liên quan	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	100.000.000	-	100.000.000	-
Bên khác	4.171.861.373	-	1.161.669.373	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	2.622.675.000	-	-	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	964.969.373	-	687.819.373	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	473.850.000	-	473.850.000	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	110.367.000	-	-	-
Tạm ứng chi phí giải phóng mặt bằng	19.653.031.100	-	9.151.922.878	-
Bên khác	19.653.031.100	-	9.151.922.878	-
BQLDA các Công trình trọng điểm - UBND tỉnh Khánh Hòa	4.919.720.000	-	4.919.720.000	-
Đối tượng khác	14.733.311.100	-	4.232.202.878	-
Các khoản khác	236.728.700.954	873.033.836	126.030.869.273	873.033.836
Bên liên quan	12.780.995.306	-	91.092.934.288	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	6.422.000.000	-	64.302.099.206	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	6.008.780.880	-	23.875.003.994	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	-	-	2.663.833.088	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	350.214.426	-	251.998.000	-
Bên khác	223.947.705.648	873.033.836	34.937.934.985	873.033.836
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả (*)	206.834.922.576	-	6.817.486.960	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	3.070.496.900	-	3.070.496.900	-
Đối tượng khác	14.042.286.172	873.033.836	25.049.951.125	873.033.836
<b>Cộng</b>	<b>330.859.835.161</b>	<b>873.033.836</b>	<b>199.042.107.855</b>	<b>873.033.836</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**B 09 - DN/HN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****a) Phải thu khác ngắn hạn (tiếp theo)**

(\*) Khoản nhận chuyển nhượng cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cà theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐQT ngày 29/07/2025 về việc tăng tỷ lệ góp vốn đầu tư vào dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo, tương đương giá trị đầu tư tối đa là 200.000.000.000 VND.

**b) Phải thu khác dài hạn**

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	2.147.020.000	-	2.157.503.000	-
Phải thu tạm ứng cổ tức (*)	63.539.183.468	-	74.538.955.074	-
Bên liên quan	38.015.562.045	-	44.608.004.491	-
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	38.015.562.045	-	44.608.004.491	-
Bên khác	25.523.621.423	-	29.930.950.583	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	25.421.172.372	-	29.775.842.388	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Thành	102.449.051	-	155.108.195	-
Hợp tác kinh doanh	122.356.951.259	-	514.088.408.736	-
Bên liên quan	122.356.951.259	-	514.088.408.736	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (**)	81.517.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (***)	40.839.951.259	-	514.088.408.736	-
Các khoản khác	39.296.055.062	-	39.286.395.062	-
Bên khác	39.296.055.062	-	39.286.395.062	-
Phải thu tiền sửa chữa, bảo hành các dự án	13.922.159.406	-	13.922.159.406	-
Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Lạng Giang	12.301.719.456	-	12.301.719.456	-
Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp thành phố Bắc Giang	207.596.463	-	5.033.084.500	-
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Chi Lăng	4.860.513.038	-	4.860.513.038	-
Khác	8.004.066.699	-	3.168.918.662	-
<b>Cộng</b>	<b>227.339.209.789</b>	<b>-</b>	<b>630.071.261.872</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****b) Phải thu khác dài hạn (tiếp theo)**

(\*) Đây là khoản phải thu tạm ứng cổ tức của Công ty con – Công ty Cổ phần BOT Phước Tượng Phú Gia.

(\*\*) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐHT/BOT DDTL – HHV ngày 24/12/2024 và Phụ lục hợp đồng số 01/2025/PLHDHT/BOT DDTL – HHV ngày 17/03/2025 giá trị khoản hợp tác đầu tư của Công ty cho Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh là 178.000.000.000 VND, tương đương 1,261% tổng mức đầu tư dự án

(\*\*\*) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH - HHV ngày 20/09/2023 và Phụ lục hợp đồng số 03-01/HĐHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 18/06/2024 giá trị khoản hợp tác đầu tư của Công ty cho Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hào tối đa là 474.000.000.000 VND. Thời hạn hợp tác kinh doanh tối đa theo thời gian thu phí của dự án, tạm tính là 17 năm kể từ ngày dự án bắt đầu thu phí BOT. Công ty được hưởng phần chia lợi nhuận tương đương với tỷ suất lợi nhuận của nguồn vốn huy động khác quy định trong hợp đồng BOT dự án (tạm tính 10,33%/năm).

**7. NỢ XẤU**

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31.12.2025			01.01.2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>11.035.892.482</b>	-	<b>(11.035.892.482)</b>	<b>11.035.892.482</b>	-	<b>(11.035.892.482)</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắk Lắk	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)
Đối tượng khác	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>1.301.620.413</b>	-	<b>(1.301.620.413)</b>	<b>1.301.620.413</b>	-	<b>(1.301.620.413)</b>
Công ty Cổ phần Nhà thép Tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	(673.571.100)	673.571.100	-	(673.571.100)
Đối tượng khác	628.049.313	-	(628.049.313)	628.049.313	-	(628.049.313)
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>873.033.836</b>	-	<b>(873.033.836)</b>	<b>873.033.836</b>	-	<b>(873.033.836)</b>
Cục Quản lý Đường bộ III	837.818.000	-	(837.818.000)	837.818.000	-	(837.818.000)
Đối tượng khác	35.215.836	-	(35.215.836)	35.215.836	-	(35.215.836)
<b>Cộng</b>	<b>13.210.546.731</b>	-	<b>(13.210.546.731)</b>	<b>13.210.546.731</b>	-	<b>(13.210.546.731)</b>



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

## 8. HÀNG TỒN KHO

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	33.416.361.385	-	42.215.764.593	-
Nguyên liệu, vật liệu	12.499.450.764	-	25.239.694.608	-
Công cụ, dụng cụ	203.668.292	-	209.983.054	-
Hàng hóa, thành phẩm	33.485.448	-	49.492.375	-
<b>Cộng</b>	<b>46.152.965.889</b>	<b>-</b>	<b>67.714.934.630</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có

## 9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

## a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	20.000.834.781	18.578.962.390
<b>Cộng</b>	<b>20.000.834.781</b>	<b>18.578.962.390</b>

## b) Chi phí trả trước dài hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Lãi vay chờ phân bổ	8.625.830.049.208	7.753.056.874.955
Chi phí sửa chữa trung tu mặt đường	814.484.182	-
Các khoản khác	5.064.154.203	8.660.935.240
<b>Cộng</b>	<b>8.631.708.687.593</b>	<b>7.761.717.810.195</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	29.929.364.775.195	78.815.384.199	96.593.821.853	42.758.909.221	30.147.532.890.468
<i>Số tăng trong năm</i>	39.989.854.086	55.809.520.858	12.154.408.593	-	107.953.783.537
Mua trong năm	-	55.809.520.858	12.154.408.593	-	67.963.929.451
Đầu tư XDCB hoàn thành	39.989.854.086	-	-	-	39.989.854.086
Tăng khác	-	-	-	-	-
<i>Số giảm trong năm</i>	36.466.375.499	-	-	141.445.455	36.607.820.954
Thanh lý, nhượng bán	5.218.100.669	-	-	141.445.455	5.359.546.124
Giảm khác	31.248.274.830	-	-	-	31.248.274.830
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>29.932.888.253.782</b>	<b>134.624.905.057</b>	<b>108.748.230.446</b>	<b>42.617.463.766</b>	<b>30.218.878.853.051</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	2.238.727.149.999	33.625.465.744	61.691.580.534	27.536.192.857	2.361.580.389.134
<i>Số tăng trong năm</i>	402.673.676.308	10.540.932.454	7.930.004.971	3.178.073.131	424.322.686.864
Khấu hao trong năm	402.673.676.308	10.540.932.454	7.930.004.971	3.178.073.131	424.322.686.864
<i>Số giảm trong năm</i>	1.965.581.585	-	-	141.445.455	2.107.027.040
Thanh lý, nhượng bán	1.965.581.585	-	-	141.445.455	2.107.027.040
Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>2.639.435.244.722</b>	<b>44.166.398.198</b>	<b>69.621.585.505</b>	<b>30.572.820.533</b>	<b>2.783.796.048.958</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	27.690.637.625.196	45.189.918.455	34.902.241.319	15.222.716.364	27.785.952.501.334
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>27.293.453.009.060</b>	<b>90.458.506.859</b>	<b>39.126.644.941</b>	<b>12.044.643.233</b>	<b>27.435.082.804.093</b>



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 10.667.282.713.349 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 83.162.951.990 VND

**Nguyên giá tạm tính của tài sản hình thành từ dự án BOT như sau:**

Nguyên giá tạm tính của Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả:

- Hạng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn là 2.992.880.835.815 VND;
- Hạng mục hầm Đèo Cả là 6.219.138.934.721 VND;
- Hạng mục hầm Cù Mông là 2.899.493.719.951 VND;
- Hạng mục hầm Hải Vân là 5.157.961.026.372 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 là 10.396.034.375.228 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, tỉnh Thừa Thiên Huế là 1.382.106.581.771 VND.

- Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).
- Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn nhà nước hỗ trợ chờ quyết toán với nguyên giá tạm tính là: 4.058.170.835.815 VND (nguyên giá này không trích khấu hao). Trong đó:
  - + Hạng mục hầm Cổ Mã (không gồm GPMB, TĐC) là 2.992.880.835.815 VND;
  - + Hạng mục hầm Đèo Cả (Phần vốn NSNN) là 1.065.290.000.000 VND.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

## 11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	5.918.181.818	11.796.594.556	17.714.776.374
<i>Số tăng trong năm</i>	<i>8.870.370.370</i>	<i>21.956.002.206</i>	<i>30.826.372.576</i>
Thuê trong năm	8.870.370.370	21.956.002.206	30.826.372.576
<i>Số giảm trong năm</i>	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>14.788.552.188</b>	<b>33.752.596.762</b>	<b>48.541.148.950</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.264.593.861	2.374.921.910	3.639.515.771
<i>Số tăng trong năm</i>	<i>1.255.029.462</i>	<i>1.995.000.970</i>	<i>3.250.030.432</i>
Khấu hao trong năm	1.255.029.462	1.995.000.970	3.250.030.432
<i>Số giảm trong năm</i>	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>2.519.623.323</b>	<b>4.369.922.880</b>	<b>6.889.546.203</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	4.653.587.957	9.421.672.646	14.075.260.603
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>12.268.928.865</b>	<b>29.382.673.882</b>	<b>41.651.602.747</b>

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 1.318.655.870 VND
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê tài chính, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	376.603.041	4.609.468.050	183.403.472	5.169.474.563
Số tăng trong năm	7.569.274.113	-	-	7.569.274.113
Mua trong năm	7.569.274.113	-	-	7.569.274.113
Số giảm trong năm	376.603.041	-	-	376.603.041
Thanh lý, nhượng bán	376.603.041	-	-	376.603.041
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>7.569.274.113</b>	<b>4.609.468.050</b>	<b>183.403.472</b>	<b>12.362.145.635</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	62.802.889	1.836.216.927	183.403.472	2.082.423.288
Số tăng trong năm	5.685.346	578.138.184	-	583.823.530
Khấu hao trong năm	5.685.346	578.138.184	-	583.823.530
Số giảm trong năm	68.488.235	-	-	68.488.235
Thanh lý, nhượng bán	68.488.235	-	-	68.488.235
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>-</b>	<b>2.414.355.111</b>	<b>183.403.472</b>	<b>2.597.758.583</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	313.800.152	2.773.251.123	-	3.087.051.275
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>	<b>7.569.274.113</b>	<b>2.195.112.939</b>	<b>-</b>	<b>9.764.387.052</b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Mua sắm tài sản cố định	2.924.166.667	1.731.481.481
Xây dựng cơ bản dở dang	451.946.812	9.344.443.482
<b>Cộng</b>	<b><u>3.376.113.479</u></b>	<b><u>11.075.924.963</u></b>

**14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Số dư đầu năm	11.661.398.495	14.116.429.759
Phân bổ trong năm	(2.455.031.264)	(2.455.031.264)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>9.206.367.231</u></b>	<b><u>11.661.398.495</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>281.078.120.044</b>	<b>281.078.120.044</b>	<b>316.418.109.595</b>	<b>316.418.109.595</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cà	237.460.884.591	237.460.884.591	255.201.333.193	255.201.333.193
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	31.647.657.478	31.647.657.478	17.850.311.355	17.850.311.355
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cà	4.974.227.480	4.974.227.480	29.641.848.407	29.641.848.407
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cà	6.995.350.495	6.995.350.495	13.724.616.640	13.724.616.640
<b>Bên khác</b>	<b>755.744.256.022</b>	<b>755.744.256.022</b>	<b>586.433.016.779</b>	<b>586.433.016.779</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cà	94.028.490.100	94.028.490.100	110.174.790.905	110.174.790.905
Công ty TNHH Hòa Hiệp	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256
Công ty TNHH MTV Minh Đăng	55.680.525.242	55.680.525.242	55.680.525.242	55.680.525.242
Công ty TNHH MTV Xây dựng 470	28.171.947.611	28.171.947.611	28.971.947.611	28.971.947.611
Công ty Cổ phần Giao thông Xây dựng Số 1	44.808.674.638	44.808.674.638	19.705.171.053	19.705.171.053
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đồng Hới	19.412.948.492	19.412.948.492	20.233.539.459	20.233.539.459
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	14.325.259.079	14.325.259.079	2.150.775.132	2.150.775.132
Công ty Cổ phần Nam Tân	-	-	13.243.783.828	13.243.783.828
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	14.475.384.233	14.475.384.233	12.000.378.308	12.000.378.308
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	9.826.427.702	9.826.427.702	9.826.427.702	9.826.427.702
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	10.150.796.936	10.150.796.936	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Truyền thông Việt	9.283.562.120	9.283.562.120	7.088.960.120	7.088.960.120
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Nam	8.151.710.240	8.151.710.240	10.151.710.240	10.151.710.240
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thép Nam Phát	4.477.532.005	4.477.532.005	-	-
Đối tượng khác	386.204.683.368	386.204.683.368	240.458.692.923	240.458.692.923
<b>Cộng</b>	<b>1.036.822.376.066</b>	<b>1.036.822.376.066</b>	<b>902.851.126.374</b>	<b>902.851.126.374</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)****b) Phải trả người bán dài hạn**

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>2.719.148.000</b>	<b>2.719.148.000</b>	<b>2.719.148.000</b>	<b>2.719.148.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000
<b>Bên khác</b>	<b>258.145.857.924</b>	<b>258.145.857.924</b>	<b>282.809.463.856</b>	<b>282.809.463.856</b>
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long - Xí nghiệp Đại Việt	70.878.208.908	70.878.208.908	71.873.463.105	71.873.463.105
Công ty TNHH APAVE Châu Á - Thái Bình Dương	19.146.941.214	19.146.941.214	19.146.941.214	19.146.941.214
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam Internationallc	11.152.384.741	11.152.384.741	11.770.805.441	11.770.805.441
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	8.594.572.647	8.594.572.647	8.594.572.647	8.594.572.647
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	1.598.789.078	1.598.789.078	13.598.789.078	13.598.789.078
Đối tượng khác	122.106.615.598	122.106.615.598	133.156.546.633	133.156.546.633
<b>Cộng</b>	<b>260.865.005.924</b>	<b>260.865.005.924</b>	<b>285.528.611.856</b>	<b>285.528.611.856</b>

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

## 16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

## a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>Bên khác</b>	<b>102.348.333.163</b>	<b>4.719.425.163</b>
Tổng công ty Xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Ban quản lý dự án 85	67.022.908.000	-
Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh	30.706.000.000	-
Đối tượng khác	648.597.867	748.597.867
	<u>102.348.333.163</u>	<u>4.719.425.163</u>
<b>Cộng</b>	<b>102.348.333.163</b>	<b>4.719.425.163</b>

## b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>507.937.125.175</b>	<b>100.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (i)	507.937.125.175	100.000.000.000
<b>Bên khác</b>	-	<b>132.651.836.038</b>
Ban Quản lý dự án 2	-	104.617.867.660
Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng	-	28.033.968.378
	<u>507.937.125.175</u>	<u>232.651.836.038</u>
<b>Cộng</b>	<b>507.937.125.175</b>	<b>232.651.836.038</b>

(i) Khoản tiền tạm ứng của Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh thi công xây dựng đường cao tốc thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng).

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

**a) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01.01.2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31.12.2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	28.663.939.396	165.882.647.119	166.859.608.681	27.686.977.834
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.439.435.304	105.776.548.267	88.232.257.827	81.983.725.744
Thuế thu nhập cá nhân	210.377.477	1.909.290.997	1.876.381.996	243.286.478
Thuế tài nguyên	-	10.978.500	10.978.500	-
Các khoản thuế khác	-	213.143.009	213.143.009	-
<b>Cộng</b>	<b>93.313.752.177</b>	<b>273.792.607.892</b>	<b>257.192.370.013</b>	<b>109.913.990.056</b>

**b) Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	01.01.2025 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	31.12.2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.976.716.732	-	-	2.976.716.732
<b>Cộng</b>	<b>2.976.716.732</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.976.716.732</b>

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về nộp thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

## 18. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Tiền lương phải trả	30.494.772.324	27.297.574.185
<b>Cộng</b>	<b>30.494.772.324</b>	<b>27.297.574.185</b>

Tiền lương phải trả người lao động sẽ được chi trả từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng kế tiếp theo quy định tại Quy chế tiền lương và các chế độ khác chi trả cho người lao động.

## 19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

## a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Chi phí lãi vay phải trả	49.118.924.235	220.763.753.000
Trích trước chi phí trung tu, đại tu Hầm	205.919.142.733	203.597.439.524
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	57.996.021.019	136.741.215.341
Trích trước chi phí lãi vay	1.687.648.971	2.252.647.779
Các khoản khác	23.050.008.112	23.847.214.688
<b>Cộng</b>	<b>337.771.745.070</b>	<b>587.202.270.332</b>

## b) Chi phí phải trả dài hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.257.308.071.034	5.355.252.245.622
Trích trước chi phí lãi vay	31.427.566.177	32.744.774.963
Các khoản khác	286.489.170.539	283.860.392.304
<b>Cộng</b>	<b>6.575.224.807.750</b>	<b>5.671.857.412.889</b>

Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn, dài hạn chủ yếu là khoản lãi vay phát sinh tại các công ty con liên quan đến các dự án BOT (dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn và dự án hầm Đèo Cả - Cổ Mã - Cù Mông - Hải Vân), sẽ được chi trả bằng nguồn thu phí và tiền độ chi trả theo dòng tiền thực tế của dự án.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

B 09 - DN/HN

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN****a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Doanh thu nhận trước	1.194.181.818	1.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.194.181.818</u></b>	<b><u>1.100.000.000</u></b>

**b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Doanh thu nhận trước	5.535.100.416	6.600.000.000
Các khoản khác	5.688.736.196	49.932.236
<b>Cộng</b>	<b><u>11.223.836.612</u></b>	<b><u>6.649.932.236</u></b>

**21. PHẢI TRẢ KHÁC****a) Phải trả khác ngắn hạn**

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Bảo đảm thực hiện hợp đồng bảo hành, khối lượng chờ quyết toán	366.973.300.059	379.592.398.186
<b>Bên khác</b>	<b>366.973.300.059</b>	<b>379.592.398.186</b>
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	71.817.270.281	71.817.270.281
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	65.626.091.401	65.626.091.401
Tổng công ty Xây dựng Lũng Lô	51.646.434.240	51.646.434.240
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	51.066.578.889	51.066.578.889
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	43.169.306.865	43.169.306.865
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	11.361.794.592	25.049.711.952
Đối tượng khác	72.285.823.791	71.217.004.558
<b>Phải trả về chuyển nhượng cổ phần</b>	<b>495.400.000.000</b>	<b>507.900.000.000</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>495.400.000.000</b>	<b>507.900.000.000</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (*)	495.400.000.000	507.900.000.000
<b>Các khoản khác</b>	<b>91.963.957.814</b>	<b>88.164.223.183</b>
<b>Bên liên quan</b>	<b>4.779.407.770</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	4.679.845.956	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	99.561.814	-
<b>Bên khác</b>	<b>87.184.550.044</b>	<b>88.164.223.183</b>
Đối tượng khác	87.184.550.044	88.164.223.183
<b>Cộng</b>	<b><u>954.337.257.873</u></b>	<b><u>975.656.621.369</u></b>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

a) Phải trả khác ngắn hạn (tiếp theo)

(\*) Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số: 2806/2024/CNCP-ICV ngày 28/06/2024; 01/2024/HĐCNCP/DCG-HHV ngày 26/12/2024 và 2512/2024/HĐCNCP/DCG-HHV ngày 25/12/2024.

b) Phải trả khác dài hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Gói thầu Hợp phần quốc lộ 1 - Bảo hành chờ quyết toán	22.144.480.775	22.144.480.775
Bảo đảm thực hiện hợp đồng các nhà thầu	10.467.834.734	10.467.834.734
Phải trả khác	2.668.161.116	6.210.451.116
<b>Cộng</b>	<b>35.280.476.625</b>	<b>38.822.766.625</b>

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

**a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31.12.2025 VND	Phát sinh trong năm			Tại ngày 01.01.2025 VND
		Vay dài hạn đến hạn trả(*) VND	Tăng VND	Giảm VND	
<b>Bên khác</b>	<b>979.820.050.821</b>	<b>460.024.976.678</b>	<b>1.046.119.292.209</b>	<b>1.607.028.255.615</b>	<b>1.080.704.037.549</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	460.000.000.000	371.447.488.000	-	715.447.488.000	804.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	249.314.788.307	1.562.526.176	423.478.335.836	282.159.527.316	106.433.453.611
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	97.179.453.664	4.435.132.564	256.625.595.451	230.054.901.816	66.173.627.465
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	69.079.000.000	69.079.000.000	-	66.667.000.000	66.667.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	90.745.978.912	-	366.015.360.922	305.424.251.735	30.154.869.725
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	4.171.446.540	4.171.446.540	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	3.780.000.000	3.780.000.000	-	3.780.000.000	3.780.000.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	3.142.630.026	3.142.630.026	-	1.772.608.776	1.772.608.776
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	1.722.477.972	1.722.477.972	-	1.722.477.972	1.722.477.972
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	684.275.400	684.275.400	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>979.820.050.821</b>	<b>460.024.976.678</b>	<b>1.046.119.292.209</b>	<b>1.607.028.255.615</b>	<b>1.080.704.037.549</b>



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

(\*) Thông tin về vay dài hạn đến hạn trả:

Hợp đồng tín dụng	Số dư nợ vay	Ngày đáo hạn	Bên cho vay
Số 02-2013-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	84.777.012.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 01/2017-HĐTDDA/NHCT106-BOT BGLS	172.660.000.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 01/2016-HĐTDDA/NHCT106-DEOCA	140.765.500.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 23072014/HDDH; Phụ lục 1-9. Thông báo cơ cấu nợ số 23072014/HĐDH/SĐBS-06	69.079.000.000	Năm 2026	Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội
Số 01/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	96.866.000.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 02/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	45.933.000.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Các kế ước nhận nợ trung hạn của HHV	19.498.488.678	Năm 2026	Các ngân hàng và Công ty cho thuê tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31.12.2025 VND	Phát sinh trong năm			Tại ngày 01.01.2025 VND
		Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả(*) VND	
<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>40.166.357.445</b>	<b>32.463.886.807</b>	<b>5.319.847.137</b>	<b>19.498.488.678</b>	<b>32.520.806.453</b>
<b>Bên khác</b>	<b>40.166.357.445</b>	<b>32.463.886.807</b>	<b>5.319.847.137</b>	<b>19.498.488.678</b>	<b>32.520.806.453</b>
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	6.856.038.738	-	-	4.435.132.564	11.291.171.302
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	6.335.000.000	-	-	3.780.000.000	10.115.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	2.209.834.978	-	-	1.562.526.176	3.772.361.154
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	2.380.686.850	3.728.900.000	663.937.750	684.275.400	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	15.295.316.505	23.746.286.807	4.279.523.762	4.171.446.540	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	2.488.421.165	-	-	1.722.477.972	4.210.899.137
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	4.601.059.209	4.988.700.000	376.385.625	3.142.630.026	3.131.374.860
<b>Trên 5 năm</b>	<b>17.439.002.860.110</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>440.526.488.000</b>	<b>17.879.529.348.110</b>
<b>Bên khác</b>	<b>17.439.002.860.110</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>440.526.488.000</b>	<b>17.879.529.348.110</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	16.665.427.727.777	-	-	371.447.488.000	17.036.875.215.777
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	773.575.132.333	-	-	69.079.000.000	842.654.132.333
<b>Cộng</b>	<b>17.479.169.217.555</b>	<b>32.463.886.807</b>	<b>5.319.847.137</b>	<b>460.024.976.678</b>	<b>17.912.050.154.563</b>

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

(\*) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Năm 2025			Năm 2024		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trên 1 năm đến 5 năm	10.133.589.755	1.318.655.870	8.814.933.885	4.429.463.618	934.376.870	3.495.086.748
Bên khác						
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	2.613.671.450	464.677.049	2.148.994.401	2.225.653.136	453.044.360	1.772.608.776
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST Chi nhánh Đà Nẵng	2.090.432.582	367.954.610	1.722.477.972	2.203.810.482	481.332.510	1.722.477.972
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	776.621.991	112.684.241	663.937.750	-	-	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	4.652.863.732	373.339.970	4.279.523.762			
<b>Cộng</b>	<b>10.133.589.755</b>	<b>1.318.655.870</b>	<b>8.814.933.885</b>	<b>4.429.463.618</b>	<b>934.376.870</b>	<b>3.495.086.748</b>



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	200.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
		100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	
2	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	800.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi, bất động sản, phương tiện vận tải; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Tiên phong cấp tín dụng; - Bảo Lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả.
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.000.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cấp tín dụng.

(\*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay phát sinh tại các công ty con liên quan đến các dự án BOT (Đèo Cả- Cù Mông - Hải Vân, Bắc Giang - Lạng Sơn, Phước Tượng - Phú Gia), được trả theo phương án tài chính dựa trên nguồn thu phí hằng năm của các dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	41.804.000.000	60-72 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh linh hoạt theo từng kế ước nhận nợ	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Nam Hà Nội	18.935.000.000	60 tháng	Theo hợp đồng vay	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	9.312.000.000	60 tháng	8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần	Tài sản hình thành từ vốn vay
4	Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	3.728.900.000	60 tháng	7,2%-8%/năm	Ký cược
5	Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	23.746.286.807	57-60 tháng	6,8%/năm	Ký cược
6	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	15.368.991.049	48-60 tháng	7,25-7,35%/năm; 10,80%/năm - 10,95%/năm	Ký cược
7	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	9.477.000.000	60 tháng	6,3%/năm - 7,2%/năm	Ký cược



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn (tiếp theo):

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
8	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.500.000.000.000	Thời hạn vay là 204 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		4.182.000.000.000	Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		4.800.000.000.000	180 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		1.190.000.000.000	Thời hạn vay là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
9	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	10.169.000.000.000	Thời hạn vay là 26 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến năm 2043, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng giấy nhận nợ	Toàn bộ quyền tài sản phát sinh theo hợp đồng dự án BOT
10	Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội	1.148.942.000.000	233 tháng	Theo thông báo từng lần	Quyền thu phí của Dự án BOT; Phần vốn góp của Công ty TNHH Hà Thành và Công ty CP ĐTMT Hà Thành vào Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

## 23. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

## a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	10.398.576.090	7.057.060.974
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>10.398.576.090</b>	<b>7.057.060.974</b>

## b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	147.148.740.256	150.225.085.973
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>147.148.740.256</b>	<b>150.225.085.973</b>

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Nguồn kinh phí và quỹ khác (*) VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01.01.2024</b>	<b>3.293.503.510.000</b>	<b>(876.900.000)</b>	<b>8.822.456.079</b>	<b>-</b>	<b>921.898.501.789</b>	<b>1.236.745.448.794</b>	<b>3.272.808.312.802</b>	<b>8.732.901.329.464</b>
Tăng vốn trong năm	823.298.180.000	6.956.562.000						830.254.742.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	426.416.159.039	68.688.669.026	-	495.104.828.065
Trả thù lao cho HĐQT&BKS	-	-	-	-	(1.908.000.000)	-	-	(1.908.000.000)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	1.739.172.300	(1.739.172.300)	-	-	-
Tăng khác (4)	-	-	-	-	-	-	900.281.000.000	900.281.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(165.005.440.257)	(165.005.440.257)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	205.753.590.000	-	-	-	(205.753.590.000)	-	-	-
Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(22.203.222.831)	160.201.713.654	-	137.998.490.823
<b>Tại ngày 31.12.2024</b>	<b>4.322.555.280.000</b>	<b>6.079.662.000</b>	<b>8.822.456.079</b>	<b>1.739.172.300</b>	<b>1.116.710.675.697</b>	<b>1.465.635.831.474</b>	<b>4.008.083.872.545</b>	<b>10.929.626.950.095</b>
<b>Tại ngày 01.01.2025</b>	<b>4.322.555.280.000</b>	<b>6.079.662.000</b>	<b>8.822.456.079</b>	<b>1.739.172.300</b>	<b>1.116.710.675.697</b>	<b>1.465.635.831.474</b>	<b>4.008.083.872.545</b>	<b>10.929.626.950.095</b>
Tăng vốn trong năm	415.000.000.000	(715.600.000)	-	-	-	-	-	414.284.400.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	571.473.498.579	90.895.738.129	-	662.369.236.708
Trả thù lao cho HĐQT&BKS (1)	-	-	-	-	(2.018.806.452)	-	-	(2.018.806.452)
Trích quỹ Đầu tư phát triển (2)	-	-	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	-	-	-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (3)	-	-	1.739.172.300	(1.739.172.300)	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (4)	236.774.750.000	-	-	-	(236.774.750.000)	-	-	-
Tăng khác (5)	-	-	-	-	-	-	165.009.000.000	165.009.000.000
Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(8.935.637.119)	1.409.293.252	-	(7.526.343.867)
<b>Tại ngày 31.12.2025</b>	<b>4.974.330.030.000</b>	<b>5.364.062.000</b>	<b>15.561.628.379</b>	<b>-</b>	<b>1.435.454.980.705</b>	<b>1.557.940.862.855</b>	<b>4.173.092.872.545</b>	<b>12.161.744.436.484</b>



**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

(\*) Đây là nguồn vốn Ngân sách Nhà nước được cấp theo Hợp đồng dự án số 26/HĐXD-DEOCA ngày 08/11/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, được cập nhật vào tổng mức đầu tư của Dự án tại quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 4/3/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm hầm Đèo Cả, hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân); Theo đó, nguồn vốn này được giao cho Doanh nghiệp dự án thực hiện dự án BOT nhằm đảm bảo phương án tài chính đã ký với cơ quan chức năng có thẩm quyền.

(1) Theo nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025, HĐQT đã thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT&BKS.

(2) Theo nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025, HĐQT đã thông qua việc trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty với số tiền là 5.000.000.000 VND.

(3) Theo nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025, HĐQT đã thông qua việc chuyển toàn bộ quỹ dự trữ vốn điều lệ vào Quỹ đầu tư phát triển Công ty.

(4) Theo nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025, HĐQT đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu. Kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 là vốn điều lệ tăng từ 4.737.555.280.000 VND lên 4.974.330.030.000 VND.

(5) Ngày 07/01/2025, Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả nhận được khoản hỗ trợ từ Nhà nước là 165.009.000.000 VND (đợt 2) từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 1738/QĐ-TT ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ 1.180 tỷ đồng và Quyết định số 397/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân theo hình thức BOT). Khoản hỗ trợ này được sử dụng một phần để hoàn trả phần vốn vay của ngân hàng tài trợ vốn dự án, phần còn lại được dùng để giải ngân tiếp tục vào dự án.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

B 09 - DN/HN

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2025 VND	%	01.01.2025 VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (*)	61.184.630.000	1,23%	58.271.080.000	1,35%
Hồ Minh Hoàng	21.234.150.000	0,43%	20.223.000.000	0,47%
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	730.218.810.000	14,68%	695.446.490.000	16,09%
Đối tượng khác	4.161.692.440.000	83,66%	3.548.614.710.000	82,09%
<b>Cộng</b>	<b>4.974.330.030.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>4.322.555.280.000</b>	<b>100,00%</b>

(\*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,23%	1,23%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	14,65%	14,68%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	14,65%	14,68%
<b>Cộng</b>	<b>15,88%</b>	<b>15,91%</b>

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 15,91% tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội Đồng Quản trị.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	4.322.555.280.000	3.293.503.510.000
- Vốn góp tăng trong năm	651.774.750.000	1.029.051.770.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.974.330.030.000	4.322.555.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	236.774.750.000	205.753.590.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

B 09 - DN/HN

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	31.12.2025 Cổ phiếu	01.01.2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	497.433.003	432.255.528
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	497.433.003	432.255.528
+ Cổ phiếu phổ thông	497.433.003	432.255.528
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	497.433.003	432.255.528
+ Cổ phiếu phổ thông	497.433.003	432.255.528
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.205.947.447.629	1.009.970.341.006	3.801.547.772.265	3.308.251.591.277
Doanh thu các trạm thu phí BOT	479.215.234.256	472.149.665.738	2.106.295.722.222	1.909.160.130.563
Doanh thu xây lắp	481.094.396.041	378.331.063.119	1.318.850.022.126	1.151.845.561.043
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	114.097.664.491	27.002.860.322	192.689.626.223	65.507.830.764
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	4.756.609.624	4.486.007.230	21.506.544.378	20.325.723.896
Doanh thu khác	126.783.543.217	128.000.744.597	162.205.857.316	161.412.345.011
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.205.947.447.629</b>	<b>1.009.970.341.006</b>	<b>3.801.547.772.265</b>	<b>3.308.251.591.277</b>
<i>Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>255.652.727.183</i>	<i>314.106.416.733</i>	<i>852.982.165.931</i>	<i>564.164.078.589</i>
<i>Doanh thu xây lắp</i>	<i>221.103.033.903</i>	<i>199.359.619.034</i>	<i>747.066.705.422</i>	<i>415.390.961.684</i>
<i>Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường</i>	<i>16.011.490.430</i>	<i>18.065.476.086</i>	<i>58.685.787.350</i>	<i>46.846.339.620</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>18.538.202.850</i>	<i>96.681.321.613</i>	<i>47.229.673.159</i>	<i>101.926.777.285</i>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024	2025	2024
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn các trạm thu phí BOT	111.608.021.627	178.960.165.243	661.545.543.895	657.227.029.096
Giá vốn xây lắp	442.759.354.354	360.466.074.255	1.239.409.075.112	1.111.234.228.563
Giá vốn duy tu bảo dưỡng hầm, đường	75.012.272.104	14.056.001.050	127.558.865.876	34.744.223.806
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	3.373.055.869	3.131.868.039	14.263.710.884	15.212.158.978
Giá vốn khác	119.084.735.183	124.074.380.247	141.796.879.637	148.631.558.492
<b>Cộng</b>	<b>751.837.439.137</b>	<b>680.688.488.834</b>	<b>2.184.574.075.404</b>	<b>1.967.049.198.935</b>

3. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024	2025	2024
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.667.917.072	2.127.624.740	6.686.763.296	9.427.054.537
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	11.466.225.112	13.045.777.400	51.584.069.977	38.564.448.692
<b>Cộng</b>	<b>15.134.142.184</b>	<b>15.173.402.140</b>	<b>58.270.833.273</b>	<b>47.991.503.229</b>

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024	2025	2024
	VND	VND	VND	VND
Chi phí lãi vay	229.834.275.808	194.266.935.076	905.217.357.220	796.572.521.099
Chi phí tài chính khác	2.959.104.397	10.356.865.388	11.836.417.588	17.754.626.380
<b>Cộng</b>	<b>232.793.380.205</b>	<b>204.623.800.464</b>	<b>917.053.774.808</b>	<b>814.327.147.479</b>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024	2025	2024
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	9.190.863.318	9.679.327.536	30.871.615.185	32.001.061.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.613.657.994	4.833.649.963	13.809.702.409	16.101.454.824
Phân bổ lợi thế thương mại	613.757.816	613.757.816	2.455.031.264	2.455.031.264
Chi phí khấu hao	700.740.258	541.590.475	2.513.361.529	2.270.773.155
Chi phí khác	7.536.263.098	3.774.491.714	25.567.178.087	18.910.122.315
<b>Cộng</b>	<b>20.655.282.484</b>	<b>19.442.817.504</b>	<b>75.216.888.474</b>	<b>71.738.443.064</b>

6. THU NHẬP KHÁC

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024	2025	2024
	VND	VND	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	27.777.778	3.730.847.469	275.002.893
Các khoản thu nhập khác	38.493.327	4.818.048.463	1.250.432.170	4.826.217.272
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	18.524.428.536	-	18.524.428.536
<b>Cộng</b>	<b>38.493.327</b>	<b>23.370.254.777</b>	<b>4.981.279.639</b>	<b>23.625.648.701</b>

7. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024	2025	2024
	VND	VND	VND	VND
Các khoản chi phí khác	143.501.267	3.360.268.099	749.259.222	6.014.750.991
<b>Cộng</b>	<b>143.501.267</b>	<b>3.360.268.099</b>	<b>749.259.222</b>	<b>6.014.750.991</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024	2025	2024
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	204.887.799.826	231.877.985.304	782.589.004.224	619.376.335.416
Chi phí nhân công	145.350.505.236	154.984.028.431	482.833.700.898	688.669.002.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	111.313.860.426	74.145.521.443	430.611.572.090	348.937.233.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.341.482.621	65.252.221.693	226.005.104.044	217.174.205.201
Chi phí khác bằng tiền	45.623.792.396	29.529.955.652	328.952.179.414	147.843.270.449
<b>Cộng</b>	<b>673.517.440.505</b>	<b>555.789.712.523</b>	<b>2.250.991.560.670</b>	<b>2.022.000.046.781</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024	2025	2024
	VND	VND	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	35.338.844.122	27.127.569.928	105.743.444.689	84.243.373.880
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	20.028.500	2.715.210.964	33.103.578	4.728.243.671
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>35.358.872.622</b>	<b>29.842.780.892</b>	<b>105.776.548.267</b>	<b>88.971.617.551</b>

**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(6.417.860.834)	(5.509.354.268)
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(6.417.860.834)</b>	<b>(5.509.354.268)</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024	2025	2024
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế cho Cổ đông của Công ty	94.746.628.945	116.946.734.048	571.473.498.579	426.416.159.039
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty sở hữu cổ phiếu phổ thông	94.746.628.945	116.946.734.048	571.473.498.579	426.416.159.039
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	482.248.535	424.427.946	457.311.780	416.007.469
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>196</b>	<b>276</b>	<b>1.250</b>	<b>1.025</b>

**12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ngày 01/10/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả ban hành Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐQT thông qua các nội dung liên quan đến đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2025 theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Theo đó, Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 49.743.300 cổ phiếu.

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024	2025	2025
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế cho Cổ đông của Công ty	94.746.628.945	116.946.734.048	571.473.498.579	426.416.159.039
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty sở hữu cổ phiếu phổ thông	94.746.628.945	116.946.734.048	571.473.498.579	426.416.159.039
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quán trong năm	482.248.535	424.427.946	457.311.780	416.007.469
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	49.743.300	149.347.273	49.743.300	149.347.273
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>178</b>	<b>204</b>	<b>1.127</b>	<b>754</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: Không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có.
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.417.228.179.016	484.325.689.987

## 4. Số tiền thực trả gốc trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.154.743.833.730	533.048.154.360
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	8.814.933.885	3.495.086.748
<b>Cộng</b>	<b>1.163.558.767.615</b>	<b>536.543.241.108</b>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

## 1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

## a) Cam kết thuê hoạt động (\*)

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê phương tiện, thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	2025 VND	2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	11.421.536.006	10.915.689.862
Trên 1 năm đến 5 năm	8.028.690.000	14.476.151.140
Trên 5 năm	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.450.226.006</b>	<b>25.391.841.002</b>

## b) Cam kết cho thuê hoạt động (\*)

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng, phương tiện, thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	2025 VND	2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	24.295.575.285	21.242.609.705
Trên 1 năm đến 5 năm	121.477.876.425	106.213.048.525
<b>Tổng cộng</b>	<b>145.773.451.710</b>	<b>127.455.658.230</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (tiếp theo):**

(\*) Khoản mục này được trình bày bổ sung thông tin số năm trước và năm này nhằm cung cấp thêm thông tin trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính.

**c) Cam kết vốn**

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐ.BOT-UBND giữa UBND tỉnh Cao Bằng (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) với liên doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 ( Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Doanh nghiệp dự án). Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền cam kết phải góp vốn trong tương lai được trình bày như sau

	2025 VND	2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	106.800.800.000	20.000.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	50.381.522.958
Trên 5 năm	-	507.270.477.042
<b>Cộng</b>	<b>106.800.800.000</b>	<b>577.652.000.000</b>

**d) Cam kết khác**

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 20/09/2023 và các phụ lục liên quan; Theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐHTKD/BOT DDTL-HHV ngày 24/12/2024 và các phụ lục liên quan. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền cam kết phải trả về hợp tác kinh doanh trong tương lai được trình bày như sau:

	2025 VND	2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	226.140.000	226.140.000
<b>Cộng</b>	<b>226.140.000</b>	<b>226.140.000</b>

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**2. Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1**

**3. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Ngày 12/12/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả ban hành Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐQT về việc triển khai đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025 theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 463/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/12/2025. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành là 547.176.303 cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 5.471.763.030.000 đồng. Tại thời điểm lập báo cáo hợp nhất này, Công ty đang tiến hành các thủ tục để hoàn thành đợt chào bán theo đúng quy định

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

	<b>Năm 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>					
	<b>Thu phí trạm BOT VND</b>	<b>Hoạt động xây lắp VND</b>	<b>Dịch vụ trung chuyển VND</b>	<b>Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND</b>	<b>Hoạt động khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.909.160.130.563	1.151.845.561.043	20.325.723.896	65.507.830.764	161.412.345.011	3.308.251.591.277
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.909.160.130.563</b>	<b>1.151.845.561.043</b>	<b>20.325.723.896</b>	<b>65.507.830.764</b>	<b>161.412.345.011</b>	<b>3.308.251.591.277</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.251.933.101.467	40.611.332.480	5.113.564.918	30.763.606.958	12.780.786.519	1.341.202.392.342
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(71.738.443.064)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>1.269.463.949.278</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						47.991.503.229
Chi phí tài chính						(814.327.147.479)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						57.827.888.610
Thu nhập khác						23.625.648.701
Chi phí khác						(6.014.750.991)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(88.971.617.551)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						5.509.354.268
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>495.104.828.065</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(258.541.184.587)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(348.937.233.697)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**B 09 - DN/HN****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Năm 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025					
	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyên VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.106.295.722.222	1.318.850.022.126	21.506.544.378	192.689.626.223	162.205.857.316	3.801.547.772.265
<b>Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.106.295.722.222</b>	<b>1.318.850.022.126</b>	<b>21.506.544.378</b>	<b>192.689.626.223</b>	<b>162.205.857.316</b>	<b>3.801.547.772.265</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.444.750.178.327	79.440.947.014	7.242.833.494	65.130.760.347	20.408.977.679	1.616.973.696.861
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(75.216.888.474)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>						<b>1.541.756.808.387</b>
Doanh thu hoạt động tài chính						58.270.833.273
Chi phí tài chính						(917.053.774.808)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						74.522.036.872
Thu nhập khác						4.981.279.639
Chi phí khác						(749.259.222)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(105.776.548.267)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						6.417.860.834
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>662.369.236.708</b>
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(74.724.430.391)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(430.611.572.090)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

01.01.2025	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	35.317.671.994.443	760.897.807.752	56.219.096.515	9.517.591.464	57.145.598.479	36.201.452.088.653
Tài sản không phân bổ						2.704.908.643.586
<b>Tổng tài sản</b>	<b>35.317.671.994.443</b>	<b>760.897.807.752</b>	<b>56.219.096.515</b>	<b>9.517.591.464</b>	<b>57.145.598.479</b>	<b>38.906.360.732.239</b>
Nợ phải trả bộ phận	26.299.157.550.253	533.771.130.220	10.933.673.620	-	38.120.986.510	26.881.983.340.603
Nợ phải trả không phân bổ						1.094.750.441.541
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>26.299.157.550.253</b>	<b>533.771.130.220</b>	<b>10.933.673.620</b>	<b>-</b>	<b>38.120.986.510</b>	<b>27.976.733.782.144</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

31.12.2025	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng cầu. đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	35.890.428.548.207	1.039.610.156.576	74.837.687.386	7.236.167.713	59.499.900.462	37.071.612.460.343
Tài sản không phân bổ						3.681.828.618.438
<b>Tổng tài sản</b>	<b>35.890.428.548.207</b>	<b>1.039.610.156.576</b>	<b>74.837.687.386</b>	<b>7.236.167.713</b>	<b>59.499.900.462</b>	<b>40.753.441.078.781</b>
Nợ phải trả bộ phận	26.293.520.122.177	434.595.679.680	18.359.752.830	-	50.600.689.336	26.797.076.244.023
Nợ phải trả không phân bổ						1.778.554.847.881
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>26.293.520.122.177</b>	<b>434.595.679.680</b>	<b>18.359.752.830</b>	<b>-</b>	<b>50.600.689.336</b>	<b>28.575.631.091.903</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****b) Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý**

Năm 2024	Bắc Giang, Lạng Sơn VND	Huế VND	Đà Nẵng VND	Phú Yên, Khánh Hòa VND	Địa bàn khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	460.956.608.333	492.181.121.535	231.879.273.269	1.231.439.658.241	891.794.929.899	3.308.251.591.277
Tài sản bộ phận Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	14.031.626.408.797	1.350.911.499.915	9.316.292.474.535	14.176.738.659.864	30.791.689.128	38.906.360.732.239
						(258.541.184.587)
Năm 2025	Bắc Giang, Lạng Sơn VND	Huế VND	Đà Nẵng VND	Phú Yên, Khánh Hòa VND	Địa bàn khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	582.843.401.850	573.621.738.891	272.118.803.545	1.218.551.642.454	1.154.412.185.525	3.801.547.772.265
Tài sản bộ phận Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	14.498.481.780.948	1.295.055.648.347	10.599.532.810.648	14.334.867.981.373	25.502.857.465	40.753.441.078.781
						(74.724.430.391)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****a) Tài sản tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.12.2025		01.01.2025		31.12.2025	01.01.2025
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	586.763.461.560	-	308.933.876.437	-	586.763.461.560	308.933.876.437
Phải thu khách hàng	810.593.949.648	(11.035.892.482)	629.018.879.802	(11.035.892.482)	799.558.057.166	617.982.987.320
Trả trước cho người bán	418.473.168.895	(1.301.620.413)	367.557.269.758	(1.301.620.413)	417.171.548.482	366.255.649.345
Phải thu về cho vay	7.000.000.000	-	6.000.000.000	-	7.000.000.000,00	6.000.000.000
Các khoản phải thu khác	558.199.044.950	(873.033.836)	829.113.369.727	(873.033.836)	557.326.011.114	828.240.335.891
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.567.111.018	-	6.432.529.990	-	14.567.111.018	6.432.529.990
Đầu tư tài chính dài hạn	2.143.288.968.537	-	1.088.617.731.665	-	2.143.288.968.537	1.088.617.731.665
<b>Cộng</b>	<b>4.538.885.704.608</b>	<b>(13.210.546.731)</b>	<b>3.235.673.657.379</b>	<b>(13.210.546.731)</b>	<b>4.525.675.157.877</b>	<b>3.222.463.110.648</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.12.2025		01.01.2025		31.12.2025	01.01.2025
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Phải trả cho người bán (i)	1.297.687.381.990	-	1.188.379.738.230	-	1.297.687.381.990	1.188.379.738.230
Người mua trả tiền trước	102.348.333.163	-	4.719.425.163	-	102.348.333.163	4.719.425.163
Vay và nợ	18.458.989.268.376	-	18.992.754.192.112	-	18.458.989.268.376	18.992.754.192.112
Phải trả người lao động	30.494.772.324	-	27.297.574.185	-	30.494.772.324	27.297.574.185
Các khoản phải trả khác	989.617.734.498	-	1.014.479.387.994	-	989.617.734.498	1.014.479.387.994
<b>Cộng</b>	<b>20.879.137.490.351</b>	<b>-</b>	<b>21.227.630.317.684</b>	<b>-</b>	<b>20.879.137.490.351</b>	<b>21.227.630.317.684</b>

(i) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.



### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

##### b) Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có năm hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

#### 6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

##### a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

##### - Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### - Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

##### b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)**

**b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>				
Phải trả cho người bán	1.036.822.376.066	260.865.005.924	-	1.297.687.381.990
Người mua trả tiền trước	102.348.333.163	507.937.125.175	-	610.285.458.338
Vay và nợ	979.820.050.821	3.250.855.357.445	14.228.313.860.110	18.458.989.268.376
Chi phí phải trả	337.771.745.070	6.575.224.807.750	-	6.912.996.552.820
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.095.940.202.071	41.004.313.237	5.500.000.000	1.142.444.515.308
<b>Cộng</b>	<b>3.552.702.707.191</b>	<b>10.635.886.609.531</b>	<b>14.233.813.860.110</b>	<b>28.422.403.176.832</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

#### 6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

##### c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

##### - Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty không có số dư gốc ngoại tệ nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

##### - Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

##### - Rủi ro về giá

##### + Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)**

**c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ *Rủi ro về giá bất động sản*

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

**d) Tài sản đảm bảo (\*)**

- *Tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng*

Công ty đã sử dụng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, quyền sử dụng đất, trái phiếu, quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng cấp tín dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	2025 VND	01.01.2025 VND
Tài sản cố định vô hình	-	313.814.138
Trái phiếu	-	2.000.000.000
Tiền gửi có năm hạn	41.341.747.335	9.658.388.481
Tài sản cố định hữu hình	10.667.282.713.349	27.031.312.377.750
<b>Cộng</b>	<b>10.708.624.460.684</b>	<b>27.043.284.580.369</b>

Ngoài những tài sản thế chấp nêu trên, các khoản vay từ ngân hàng còn được đảm bảo bằng quyền thu phí đường bộ tại các doanh nghiệp dự án BOT; quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng xây lắp, hợp đồng khai thác, quản lý, vận hành và bảo trì các tuyến đường bộ, đường hầm liên quan.

(\*) Khoản mục này được trình bày bổ sung thông tin số đầu năm và cuối năm nhằm cung cấp thêm thông tin trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**7. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

**8. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) và Báo cáo tài chính hợp nhất cho Quý 4 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2026

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



**HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT**

**LÊ CÔNG NGHĨA**

**NGÔ TRƯỜNG NAM**

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không phát sinh
- *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không có.
- *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

	Năm tài chính	
	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024
	VND	VND
<b>Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</b>	<b>2.028.000.000</b>	<b>2.088.000.000</b>
Hồ Minh Hoàng	360.000.000	360.000.000
Nguyễn Tấn Đông	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	180.000.000	240.000.000
Võ Thụy Linh	180.000.000	180.000.000
Trần Chung	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Quang Huy	180.000.000	180.000.000
Hồ Quang Lợi	180.000.000	180.000.000
Hoàng Văn Hải	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Minh Giang	180.000.000	180.000.000
Cam Thị Minh Hải	84.000.000	84.000.000
Phan Thị Mai	84.000.000	84.000.000
Chủ tịch HĐQT	360.000.000	360.000.000
Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Phó Chủ tịch HĐQT	180.000.000	240.000.000
Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Thành viên độc lập	180.000.000	180.000.000
HĐQT	180.000.000	180.000.000
Thành viên độc lập	180.000.000	180.000.000
HĐQT	180.000.000	180.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
Kiểm soát viên	84.000.000	84.000.000
Kiểm soát viên	84.000.000	84.000.000



**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):**

*- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):*

	Năm tài chính	
	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025	2024
	VND	VND
Tiền lương		
Nguyễn Quang Huy		
Ngô Trường Nam		
Trần Văn Chí		
Võ Ngọc Trung		
Lê Châu Thắng		
Trần Văn Dũng		
Nguyễn Quỳnh Mai		
Nguyễn Văn Ân		
Lê Công Nghĩa		
Tổng giám đốc	4.179.830.699	4.287.400.000
Tổng giám đốc	350.000.000	910.000.000
Phó Tổng giám đốc	735.000.000	140.000.000
Phó Tổng giám đốc	715.000.000	715.000.000
Phó Tổng giám đốc	520.000.000	520.000.000
Phó Tổng giám đốc	494.000.000	482.000.000
Phó Tổng giám đốc	559.000.000	547.000.000
Phó Tổng giám đốc	296.439.394	455.000.000
Phó Tổng giám đốc	215.652.174	518.400.000
Kế toán trưởng	294.739.131	-

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**2. Giao dịch với các bên liên quan khác:**

**Danh sách các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả

Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hào

Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát

Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư VINALOG

Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên

Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả

Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả

Hồ Minh Hoàng

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ

Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGD kiêm người đại diện theo pháp luật Ngô Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai

Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông

Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy

Công ty liên kết

Công ty con của Công ty mẹ

Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh

Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân

Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy

Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang

Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh

Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng

Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang

Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng

Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang

Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Trần Văn Chí; Phó TGD Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGD Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty Trần Tấn Huy.

Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang

Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

**Công ty con**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,04%	65,04%	149.709.187.346	369.969.202.646
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	74,24%	74,24%	151.128.267.081	6.648.724.159
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	35.731.352.340	35.731.352.340

**Công ty liên doanh, liên kết**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,42%	50,00%	55.130.903.768	544.755.842.807
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	42,31%	40,00%		
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	171.616.706.740	220.365.202.888
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	(992.006.813)	(2.413.501.693)

Tóm tắt hoạt động của khoản đầu tư vào các công ty khác trong năm:

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	15,37%	15,37%	299.612.541.052	467.145.740.153
Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả	17,78%	17,78%		

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

**2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân	Bán hàng hóa, dịch vụ	86.437.510.114	599.572.392
		Mua hàng hóa, dịch vụ	75.774.596.984	89.003.826.675
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết	Thu lại tiền góp vốn	5.688.000.000	10.116.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGD kiêm người đại diện theo pháp luật Ngô Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.599.989.814	2.295.537.037
		Nhận cổ tức	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	701.265.429.874	377.053.428.864
		Mua hàng hóa, dịch vụ	153.024.421.454	68.414.576.800
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	517.900.000.000
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Mua hàng hóa, dịch vụ	32.990.490.535	29.126.281.830



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2025 VND	2024 VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Góp vốn	204.473.200.000	7.500.000.000
		Đặt cọc góp vốn	248.643.272.861	64.302.099.206
		Hoàn trả tiền đặt cọc	102.050.172.067	-
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	284.800.800.000	-
		Hoàn tiền hợp tác kinh doanh	203.283.800.000	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Bán hàng hóa, dịch vụ	11.750.521.610	7.700.203.509
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Trần Văn Chí; Phó TGD Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGD Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Bán hàng hóa, dịch vụ	928.104.334	1.356.909.082
		Mua hàng hóa, dịch vụ	13.865.025.445	38.099.828.705
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Bán hàng hóa, dịch vụ	50.000.610.185	175.158.427.705
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	-	413.773.860.000
		Thu tiền lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	69.242.734.118	-
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	51.584.069.977	25.518.671.292
		Thanh toán tiền gốc hợp tác kinh doanh	455.589.793.336	-
Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả	Công ty có liên quan đến Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Góp vốn	800.000.000.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN</b>			<b>504.241.872.213</b>	<b>381.952.072.308</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGD kiêm người đại diện theo pháp luật Ngọ Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Trung tu hầm, đường Vận hành các trạm thu phí Thi công xây lắp Duy tu bảo dưỡng hầm, đường <b>Cộng</b>	1.150.582.495 3.647.065.400 244.609.500 1.655.543.900 <b>6.697.801.295</b>	1.537.414.900 3.647.065.400 244.609.500 1.150.582.495 <b>6.579.672.295</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp <b>Cộng</b>	254.985.126.957 <b>254.985.126.957</b>	213.453.819.549 <b>213.453.819.549</b>
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Trần Văn Chí; Phó TGD Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGD Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Thuê xe <b>Cộng</b>	730.978.138 <b>730.978.138</b>	2.935.663.301 <b>2.935.663.301</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân	Dịch vụ khác Thi công xây lắp <b>Cộng</b>	3.684.240.000 37.651.942.831 <b>41.336.182.831</b>	637.938.182 - <b>637.938.182</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)</b>				
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Thuê xe <b>Cộng</b>	15.248.299.647 388.363.635 <b>15.636.663.282</b>	13.158.482.562 388.363.635 <b>13.546.846.197</b>
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Thi công xây lắp Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Thuê xe <b>Cộng</b>	127.567.935.784 23.069.617.770 337.500.000 <b>150.975.053.554</b>	144.798.132.784 - - <b>144.798.132.784</b>
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Thi công xây lắp <b>Cộng</b>	33.880.066.156 <b>33.880.066.156</b>	- -

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**B 09 - DN/HN****PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>			<b>12.880.995.306</b>	<b>91.192.934.288</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay Phải thu khác <b>Cộng</b>	100.000.000 6.008.780.880 <b>6.108.780.880</b>	100.000.000 23.875.003.994 <b>23.975.003.994</b>
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Đặt cọc góp vốn <b>Cộng</b>	6.422.000.000 <b>6.422.000.000</b>	64.302.099.206 <b>64.302.099.206</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ấn	Thi công xây lắp <b>Cộng</b>	350.214.426 <b>350.214.426</b>	251.998.000 <b>251.998.000</b>
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Phải thu khác <b>Cộng</b>	- <b>-</b>	<b>2.663.833.088</b> <b>2.663.833.088</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**B 09 - DN/HN****PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC</b>			<b>160.372.513.304</b>	<b>558.696.413.227</b>
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của Công ty mẹ	Tạm ứng cổ tức	38.015.562.045	44.608.004.491
		<b>Cộng</b>	<b>38.015.562.045</b>	<b>44.608.004.491</b>
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Hợp tác kinh doanh	81.517.000.000	-
		<b>Cộng</b>	<b>81.517.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hào	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Hợp tác kinh doanh	18.184.066.664	473.773.860.000
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	22.655.884.595	40.314.548.736
		<b>Cộng</b>	<b>40.839.951.259</b>	<b>514.088.408.736</b>
<b>PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN</b>			<b>249.220.102.566</b>	<b>316.418.109.595</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp	190.253.668.973	225.568.624.637
		Mua vật tư	23.505.619.537	8.269.076.086
		Cung cấp công nghệ thông tin	674.795.250	586.624.500
		Vé máy bay, khác	22.816.440.831	20.777.007.970
		<b>Cộng</b>	<b>237.250.524.591</b>	<b>255.201.333.193</b>
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Cung cấp dịch vụ	6.995.350.495	13.724.616.640
		<b>Cộng</b>	<b>6.995.350.495</b>	<b>13.724.616.640</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân	Cung cấp vật tư <b>Cộng</b>	31.647.657.478 <b>31.647.657.478</b>	17.850.311.355 <b>17.850.311.355</b>
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Trần Văn Chí; Phó TGD Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGD Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Cung cấp dịch vụ <b>Cộng</b>	4.974.227.480 <b>4.974.227.480</b>	29.641.848.407 <b>29.641.848.407</b>
<b>PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN</b>			<b>2.719.148.000</b>	<b>2.719.148.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân	Thi công xây lắp <b>Cộng</b>	2.719.148.000 <b>2.719.148.000</b>	2.719.148.000 <b>2.719.148.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09 - DN/HN

**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
<b>ỨNG TRƯỚC TỪ KHÁCH HÀNG DÀI HẠN</b>				
			507.937.125.175	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đông Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Ứng trước từ khách hàng dài hạn <b>Cộng</b>	507.937.125.175	100.000.000.000
			507.937.125.175	100.000.000.000
<b>PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC</b>				
			500.179.407.770	507.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ấn	Cung cấp vật tư <b>Cộng</b>	99.561.814 99.561.814	- -
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần Phải trả ngắn hạn khác <b>Cộng</b>	495.400.000.000 4.679.845.956 500.079.845.956	507.900.000.000 - 507.900.000.000

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan.